

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YD
TỈNH BG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 65/2024/HS-ST

Ngày 17-7-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YD, TỈNH BG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tin và ông Đào Xuân Thịnh

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh BG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Nương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 07 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh BG và điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh BG, Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh BG xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 68/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 07 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-HS ngày 03/07/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **NVH**, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn TM, xã GM, huyện TN, thành phố HP; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 09/12; con ông NVP(đã chết) và bà PTY, sinh năm 1963; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân:

+ Ngày 19/3/2021, bị Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố HP ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 41/QĐ-TA (chấp hành xong ngày 10/11/2022).

+ Ngày 16/11/2022, bị chủ tịch UBND xã GM, huyện TN, thành phố HP ra quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh BG. *(Có mặt)*

- *Bị hại:* Chị PTH, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn TA, xã EB, huyện SH, tỉnh PY. *(Vắng mặt)*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị PTKA, sinh năm 1993; nơi cư trú: TG, xã NH, huyện YD, tỉnh BG. *(Vắng mặt)*

+ Chị PTH, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn TM, xã GM, huyện TN, thành phố HP. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: NVH và chị PTH đều là công nhân làm việc tại Công ty HHthuộc khu Công nghiệp VT, tỉnh BG. H và chị H có mối quan hệ yêu đương, cả 2 thuê phòng trọ chung sống cùng nhau tại TG, xã NH, huyện YD từ tháng 8/2023. Quá trình chung sống, H thường xuyên sử dụng điện thoại của chị H để chơi game nên biết mật khẩu điện thoại của chị H. Tối ngày 04/02/2024, khi H đang chơi game trên điện thoại của chị H thì thấy có tin nhắn ngân hàng Agribank thông báo đã chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng Agribank của chị H. H biết sáng ngày 05/2/2024, chị H sẽ về quê ở Lạng Sơn, đoán chị H sẽ để mật khẩu thẻ ATM trùng với mật khẩu điện thoại nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp thẻ ATM của chị H để đi rút tiền để chi dùng cá nhân. Sau khi cùng chị H đi ngủ, một lúc sau, H dậy đi đến chỗ để chiếc túi xách của chị H treo trên tường, mở ví ra lấy 01 chiếc thẻ ATM ngân hàng Agribank của chị H cất giấu dưới gối rồi đi ngủ tiếp. Khoảng hơn 09 giờ ngày 05/2/2024, khi chị H đã ra khỏi phòng đi về quê, H lấy chiếc thẻ ATM trộm cắp của chị H đến cửa hàng sửa chữa điện thoại cách phòng trọ của H khoảng 100m gặp chị PTKA và đưa chiếc thẻ đã trộm cắp cho chị KABảo chị KAlà cho H rút 10.000.000 đồng thì được chị KADồng ý và sử dụng máy chuyên dụng (Bos) do ngân hàng Vietcombank cấp để quẹt thẻ, H nhập mật khẩu điện thoại của chị H xong thì thấy máy báo giao dịch thành công. Sau đó, chị KAđưa cho H số tiền 10.000.000 đồng cùng chiếc thẻ ngân hàng, H trả cho chị KASố tiền 150.000 đồng phí dịch vụ rút tiền rồi rời khỏi cửa hàng ra bắt xe ô tô đi về quê. Toàn bộ số tiền trộm cắp được H dùng tiêu sài cá nhân hết.

Đối với chị PTH, trên đường đi về quê thì thấy điện thoại thông báo nhận được tin nhắn của ngân hàng Agribank báo tài khoản của chị H bị trừ số tiền 10.000.000 đồng. Biết bị mất tiền trong tài khoản nên chị H đã khoá tài khoản lại, sau đó đến cửa hàng sửa chữa điện thoại ở TG, xã NH, huyện YD nhờ cho xem hình ảnh camera tại cửa hàng thì phát hiện người trộm cắp thẻ ATM và rút tiền là NVH.

Sau nhiều ngày đòi nhưng H không trả, ngày 18/3/2024, chị H làm đơn trình báo. Ngày 19/3/2024, biết hành vi trộm cắp của mình đang bị điều tra NVH đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện YD đầu thú và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, phía sau có gắn ốp nhựa màu trắng.

Tại cơ quan điều tra, NVH đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 68/CT-VKSYD ngày 26/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD đã truy tố NVH về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo H đã khai nhận toàn bộ nội dung, diễn biến hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Sau khi phạm tội, bị cáo đã tác động người nhà nhờ chị PTH (là em họ bị cáo) bồi thường cho bị hại chị PTH số tiền 10.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị PTH trình bày: Sau khi bị bắt tạm giam, bị cáo đã nhờ chị bồi thường cho bị hại giúp bị cáo nên chị đã bồi thường cho chị H số tiền 10.000.000 đồng bằng tiền của cá nhân chị. Chị H đã nhận đủ số tiền trên. Nay chị không yêu cầu bị cáo pH trả lại cho chị số tiền mà chị đã bồi thường cho bị hại.

Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, không ai có ý kiến gì.

Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo NVH từ 09 tháng tù đến 11 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày 20/03/2024.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý về vật chứng: Trả lại bị cáo H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, phía sau có gắn ốp nhựa màu trắng.

- Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra xem xét do bị hại không có yêu cầu.

- Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo H pH chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nhất trí với nội dung bản luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận gì. Chị Hương không có ý kiến tranh luận gì.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện YD và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng trình tự, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến

hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, có đủ cơ sở xác định các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, căn cứ các điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Biết trong thẻ ATM của chị PTH có tiền nên tối ngày 04/02/2024, tại TG, xã NH, huyện YD, tỉnh BG, NVH có hành vi trộm cắp 01 chiếc thẻ ATM của chị H sau đó cắt dấu, đến hồi 09 giờ 10 phút ngày 05/02/2024, H đem chiếc thẻ ATM trộm cắp được đến cửa hàng sửa chữa điện thoại di động ở TG, xã NH, huyện YD gặp chị PTKA để rút số tiền 10.000.000 đồng, sau đó bỏ về quê dùng ăn tiêu cá nhân hết. Cơ quan điều tra chưa thu hồi được chiếc thẻ ATM trả bị hại.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD, tỉnh BG truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã lợi dụng niềm tin và sơ hở của bị hại (là bạn gái của bị cáo) để trộm cắp tài sản của bị hại. Bị cáo tuy biết hành vi của mình vi phạm pháp luật và sẽ bị nghiêm trị nhưng vẫn cố ý phạm tội cho thấy bị cáo là người rất liều lĩnh, coi thường pháp luật, khó cải tạo. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần pH xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự với mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4.2] Xét về nhân thân: Ngày 19/3/2021, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố HP ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 10/11/2022 chấp hành xong trở về địa phương đến ngày 16/11/2022, bị chủ tịch UBND xã GM, huyện TN, thành phố HP ra quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú (từ ngày 16/11/2022 đến ngày

16/11/2024) nhưng bị cáo lại đi khỏi nơi cư trú và đã có hành vi vi phạm pháp luật.

[4.3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú và đã tác động người nhà bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết pH áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo và pH cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có thể giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật đồng thời răn đe, phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này trong xã hội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình để bị cáo thấy được sự khoan H của pháp luật mà yên tâm cải tạo. Việc xử phạt bị cáo với mức hình phạt trong khung như Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là đối tượng bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú, không có công ăn việc làm, thu nhập ổn định; bị cáo cũng đã khắc phục hậu quả, bồi thường cho bị hại; sau khi đầu thú bị tạm giam, không có điều kiện để đảm bảo thi hành án đối với khoản tiền phạt. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết pH áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 08/4/2024, chị PTH là em họ của bị cáo H đã thay bị cáo bồi thường cho chị H số tiền 10.000.000 đồng. Đến nay, chị H không yêu cầu bị cáo pH bồi thường gì về trách nhiệm dân sự. Chị Hương không yêu cầu bị cáo pH trả lại số tiền trên. Do vậy, HĐXX không đặt ra xem xét về trách nhiệm dân sự. Trường hợp giữa chị Hương và bị cáo có tranh chấp về số tiền 10.000.000 đồng đã bồi thường thay bị cáo thì có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, phía sau có gắn ốp nhựa màu trắng, bị vỡ màn hình, điện thoại đã qua sử dụng đây là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Đối với việc chị Phùng KAlà người cho bị cáo H rút số tiền 10.000.000 đồng từ thẻ ATM trộm cắp được: Quá trình điều tra xác định được khi đưa máy Bos cho H thì đã nhập đúng mật khẩu nên chị KAlà không có nghi ngờ gì và

không biết H trộm cắp thẻ ATM đem đi rút tiền, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị Anh.

[9] Đối với chiếc thẻ ATM bị cáo H trộm cắp của chị H, sau khi rút được tiền xong, H khai đã vứt đi trên đường về quê, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được. Nay chị H không có ý kiến hay yêu cầu gì về chiếc thẻ trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo PH chịu án hình sự sơ thẩm là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[11] Ngoài ra cần áp dụng quy định Điều 331; Điều 333; khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tuyên về quyền kháng cáo, kháng nghị.

[12] Từ những phân tích đánh giá như trên, Hội đồng xét xử thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp, có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333; khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hình phạt: Xử phạt bị cáo NVH **11 (Mười một)** tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/03/2024.

2. Vật chứng: Trả lại bị cáo NVH 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, phía sau có gắn ốp nhựa màu trắng, bị vỡ màn hình, điện thoại đã qua sử dụng (theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 15/7/2024) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí: Bị cáo NVH PH chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định. Thời hạn kháng nghị đối với

bản án của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b, 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND huyện YD;
- Chi cục THADS huyện YD;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- CQCSĐT Công an huyện YD;
- Trại tạm giam Công an tỉnh BG;
- UBND phường, xã nơi cư trú bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh BG;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Thu Hằng